


STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,193.91	722	14,580,000
Được chi trong ngày					14,580,000
Đã chi trong ngày					14,580,000
1. Dịch vụ					1,457,400
1	Dịch vụ thu		0	375	0
2	Dịch vụ thu		4,200	347	1,457,400
3			0	347	0
2. Kho					2,549,644
 Ăn chính					2,549,644
1	Gạo tẻ	Kg	23,000	32	736,000
2	Sữa bột Nuti trường học	Kg	259,092	7	1,813,644
3. Đi chợ					10,572,956
 Ăn sáng					3,747,600
1	Đậu phộng (hạt)	Kg	70,000	1.5	105,000
2	Hành củ tươi	Kg	100,000	1.2	120,000
3	Tỏi	Kg	150,000	0.7	105,000
4	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	130,000	9	1,170,000
5	Trứng cút	Quả	700	1,050	735,000
6	Đường cát	Kg	30,000	1.1	33,000
7	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1	25,000
8	Muối iốt	Gói	4,000	1.9	7,600
9	hạt màu điều	Chai	10,000	3	30,000
10	Đường phèn	Kg	35,000	1	35,000
11	sợi mì quảng	Kg	20,000	25	500,000
12	Ngò rí	Kg	60,000	1.2	72,000
13	Xương Heo	Kg	120,000	5	600,000
14	Hành lá	Kg	60,000	1.5	90,000
15	Củ cái	Kg	20,000	6	120,000
 Ăn chính					6,825,356
1	Khoai lang	Kg	35,000	0.5	17,500
2	Khoai tây	Kg	25,000	0.5	12,500
3	Bí đao (bí xanh)	Kg	20,000	13	260,000
4	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	0.5	12,500
5	Củ dền	Quả	30,000	0.5	15,000
6	Hành củ tươi	Kg	100,000	1.4	140,000
7	Su su	Chai	20,000	0.5	10,000
8	Tỏi	Gói	150,000	0.9	135,000
9	Dầu thực vật	Chai	50,000	1.5	75,000
10	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	130,000	1.2	156,000
11	Tôm biển	Kg	195,000	7	1,365,000
12	Trứng gà	Kg	4,000	25	100,000
13	Đường cát	Kg	30,000	2.4	72,000
14	Nước mắm cá loại I	Kg	25,000	1.4	35,000
15	Muối iốt	Kg	4,000	1.59	6,356
16	Chanh dây (chanh leo)	Kg	35,000	0.5	17,500
17	Ngò rí	Kg	60,000	1.5	90,000

18	Hành lá	Kg	60,000	1.4	84,000
19	Bột chiên giòn hải sản Aji quick	Gói	9,000	8	72,000
20	Sữa chua uống Ánh Hồng	Chai	4,400	375	1,650,000
21	cá tầm phi lê	Kg	240,000	8	1,920,000
22	Bột khoai (nấu chè)	Kg	50,000	1.5	75,000
23	Bột bắp	Kg	60,000	1.5	90,000
24	Đường phèn	Kg	35,000	1	35,000
25	Vani (bột)	Ống	1,000	5	5,000
26	Lá dứa	Bó	4,000	5	20,000
27	Đậu xanh bỏ vỏ	Kg	50,000	5	250,000
28	Nước cốt dừa wonderfarm	Hộp	30,000	1	30,000
29	Bột báng	Kg	50,000	1.5	75,000
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					10,451,576
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					42,292,824
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng				2,901	
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					58,595,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					58,595,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kê toán

Phạm Thị Nga

Phó hiệu trưởng

Phan Thị Hồng Huê

